

Bản án số: 188/2017/HS-ST

Ngày: 14-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng
2. Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại nhà Văn hóa Khu phố 5, Lô N, cư xá Ngân hàng, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/HSST-QĐ ngày 23/11/2017 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Nguyễn Thị Thanh N1; tên gọi khác: /; sinh ngày 10/10/1997 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T.T.A, huyện T.H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Phòng I, Nhà không số, Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 06/6/2017 bị cáo chuyển về cư trú tại địa chỉ nhà trọ H.H.T, ấp E, xã L.K, huyện C.Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị Kim T; có chồng và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trường G; tên gọi khác: ./; sinh ngày 13/4/1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp F, xã Q.Đ, huyện T.P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Đường G, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B; Chung sống như vợ chồng với bà Trương Thị Ngọc H nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 31/5/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Khánh A; trú tại: T.T.V, Phường J, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: N.T.T, phường T.P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông Trần Quốc M; trú tại: Q.T, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Khánh V; trú tại: Phòng I, Nhà không số, Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Ông Phùng Đức N2; trú tại: Khu phố M, Ấp T.V, xã B.H, huyện T.B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Võ Thế C; trú tại: Cư xá Ngân hàng, Khu phố N, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thái Bình; trú tại: Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 31/5/2017, tại đường X, Khu phố N, phường D, Quận 7 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 7 phát hiện, phối hợp với Công an phường D bắt quả tang Nguyễn Trường G mang 01 gói ma túy để bán cho Phùng Đức N2; G khai số ma túy là của N1 đưa cho để mang đi bán cho N2 với giá 2.200.000 đồng, nơi giao ma túy là tại bến xe Quận 8. Vật chứng bị thu giữ là 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu.

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 7 kết hợp Công an phường D, Quận 7, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Thanh N1 tại số Phòng I, nhà không số Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7. Vật chứng thu giữ của N1 gồm: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu. Nguyễn Thị Thanh N1 khai, mua bán trái phép chất ma túy được khoảng 03 tháng. Nguồn ma túy N1 mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) tại đường Tạ Quang Bửu, Quận 8 được 03 lần, mỗi lần mua một gói với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, N1 phân nhỏ bán cho người khác để kiếm lời. N1 đã bán cho Phùng Đức N2 07 lần, mỗi lần bán một gói với giá từ 200.000 đồng đến 700.000 đồng. Trong đó, N1 bán trực tiếp cho N2 04 lần cụ thể: lần 1 đầu tháng 3/2017, lần 2 cuối tháng 3/2017, lần 3 đầu tháng 4/2017, lần 4 ngày 28/5/2017; N1 giao cho Nguyễn Trường G (quan hệ bạn bè với N1) đi bán cho N2 03 lần cụ thể: lần 01 đầu tháng 4/2017, lần 02 cuối tháng 4/2017, lần 03 ngày 23/5/2017.

Trong thời gian 03 tháng mua bán trái phép chất ma túy, N1 thu lợi bất chính được số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Trường G đi bán ma túy dùm cho N1 không có hưởng lợi.

Bản Kết luận giám định số 1016/KLGD-H ngày 09/6/2017, số 1018/ KLGD-H ngày 22/6/2017 và văn bản số 894/PC54-D96 ngày 14/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Trường G và hình dấu Công an phường D, Quận 7 gửi đến giám

định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9386g (một phẩy chín ba tám sáu gram), loại Methamphetamine (MA).

- Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Thanh N1 và hình dấu Công an phường D, Quận 7 gửi đến giám định có khối lượng 17,0608g (mười bảy phẩy không sáu không tám gram), không tìm thấy thành phần các chất ma túy được quy định trong danh mục các chất ma túy ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2019 của Chính phủ.”

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Nguyễn Trường G gồm:

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu;
- 01 điện thoại di động Nokia màu đen bị mất ốp phía sau và 01 sim;
- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha màu trắng vàng, biển số 54V8-1236. Qua xác minh, do ông Trần Quốc M đứng tên chủ sở hữu. Ông M bán xe trên cho ông Nguyễn Khánh A, nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Ngày 31/5/2017, ông A cho Nguyễn Trường G mượn xe đi công việc, ông A không biết G làm phương tiện đi mua bán ma túy.

Thu giữ của Nguyễn Thị Thanh N1:

- 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (được ký hiệu gói niêm phong vụ số 1018 ngày 22/6/2017), theo kết luận giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy;
- 01 cân điện tử, màu trắng không nhãn hiệu;
- 01 cân điện tử, màu đen trắng hiệu Anput;
- 01 điện thoại di động hiện Q-Mart màu đen và 01 sim.

Thu giữ của Phùng Đức N2: 01 điện thoại di động hiện MobilStar màu trắng và 01 sim.

Bản Cáo trạng số 200/CTr-VKS ngày 31/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 và Nguyễn Trường G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Ông N2 khai nhận, ông đã mua ma túy của bị cáo N1 07 lần, trong đó N1 trực tiếp bán cho ông được 04 lần, bị cáo G bán cho ông được 03 lần, ngày 31/5/2017 ông liên hệ bị cáo N1 để mua tiếp, bị cáo G mang đi giao thì bị phát hiện và bắt quả tang; mục đích ông mua ma túy về sử dụng.

Bị cáo N1 khai nhận, mục đích bị cáo mua ma túy về là để bán lại cho các con nghiện khác kiếm lời; bị cáo đã bán cho ông N2 được 07 lần, trong đó bị cáo trực tiếp bán 04 lần, cụ thể: lần 1 đầu tháng 3/2017, lần 2 cuối tháng 3/2017, lần 3 đầu tháng 4/2017, lần 4 ngày 28/5/2017; bị cáo giao cho bị cáo G đi bán được 03 lần, ngày 31/5/2017 ông N2 liên hệ mua tiếp, bị cáo nhờ G đi giao ma túy thì bị bắt giữ; trong thời gian bán ma túy bị cáo thu lời được số tiền 1.000.000 đồng; nguồn ma túy là của bị cáo mua của người đàn ông ở đường Tạ Quang Bửu Quận 8 về chia nhỏ để bán cho các con nghiện;

Bị cáo G khai nhận gói ma túy bị cáo mang đi bán cho ông N2 ngày 31/5/2017 là của bị cáo N1 đưa cho, địa điểm giao nhận ma túy là do bị cáo N1 và ông N2 thỏa thuận, bị cáo N1 cho số điện thoại của ông N2 để khi đến nơi thì bị cáo liên hệ; bị cáo đi bán ma túy cho bị cáo N1 được ba lần, cụ thể: lần 1 đầu tháng 4/2017, lần 2 cuối tháng 4/2017, lần 3 ngày 23/5/2017, ngày 31/5/2017 tiếp tục mang ma túy đi bán cho ông N2 thì bị bắt quả tang. Bị cáo biết N1 nhờ mang đi bán là ma túy, do chỗ bạn bè và nể nang nên bị cáo vẫn thực hiện.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, xác định bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 có hành vi mua chất ma túy về bán cho người khác nhiều lần một cách trái pháp luật; bị cáo G có hành vi giúp sức cho bị cáo N1 mang ma túy đi bán nhiều lần; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù, buộc bị cáo N1 nộp lại số tiền 1.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước, buộc bị cáo N1 nộp phạt số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo G từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo phạm tội do bị rủ rê lôi kéo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo G.

Xử lý vật chứng: Đối với 02 cân điện tử (01 màu trắng không nhãn hiệu và 01 màu đen trắng hiệu Anput), 03 gói nylon chứa tinh thể không màu được niêm phong (được ký hiệu theo gói niêm phong vụ 1016/2017 và 1018/2017) và 03 Sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy; tịch thu sung quỹ 03 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo và của ông N2; trả lại cho ông Nguyễn Khánh A chiếc xe gắn máy.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, đương sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ Kết luận giám định số 1016/KLGD-H ngày 09/6/2017, số 1018/KLGD-H ngày 22/6/2017 và văn bản số 894/PC54-D96 ngày 14/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai nhận tội của các bị cáo tại

phiên tòa, kết hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 và bị cáo Nguyễn Trường G đã có hành vi bán ma túy nhiều lần cho ông Phùng Đức N2. Do đó, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo ý thức rõ hành vi mua bán ma túy của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam tư lợi các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, tinh vi, nguy hiểm cho xã hội vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo N1 nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng để có tiền tiêu xài đã thực hiện hành vi bán ma túy nhiều lần nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này bị cáo N1 có vai trò chủ mưu cầm đầu, tự đi mua ma túy về phân nhỏ ra để bán kiếm lời; bị cáo G biết rõ là ma túy nhưng vẫn giúp N1 mang đi bán cho các con nghiện, thu tiền về cho bị cáo N1. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn.

Tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt; bị cáo G phạm tội do bị rủ rê lôi kéo, không thu lợi từ việc mua bán ma túy của bị cáo N1 nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo G.

Bị cáo N1 phạm tội nhằm mục đích thu lợi nên còn bị phạt tiền và phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo N1 tại đường Tạ Quang Bửu, Quận 8, Cơ quan điều tra Công an Quận 7 tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với ông Phùng Đức N2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Xử lý vật chứng: Đối với 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (được ký hiệu theo gói niêm phong vụ 1016/2017 và 1018/2017). Đối với 02 cân điện tử (01 màu trắng không nhãn hiệu và 01 màu đen trắng hiệu Anput), 03 Sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo và ông N2 dùng để liên lạc mua bán ma túy, là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha, màu trắng - vàng, biển số 54V8-1236, số máy 5P11-19140, số khung 110AY-19139. Qua xác minh, do ông Trần Quốc M đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông M bán xe trên cho ông Nguyễn Khánh A, nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Ngày 31/5/2017, ông A cho Nguyễn Trường G mượn xe đi công việc, ông A không biết G làm phương tiện đi mua bán ma túy nên trả lại cho ông A.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Thanh N1 và Nguyễn Trường G đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 194; Điều 20; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành bản án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 nộp phạt số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

2. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điều 20; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2017.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N1 nộp lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015: Kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo N1 phải nộp lại, nếu bị cáo N1 chưa thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) gói nylon chứa tinh thể không màu (xác định theo gói niêm phong vụ 1016/2017 và 1018/2017; 02 (hai) cân điện tử (01 màu trắng không nhãn hiệu và 01 màu đen trắng hiệu Anput và 03 (ba) Sim điện thoại.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, imei 395182053793264; 01 (một) điện thoại di động hiện Q-Smart màu đen, imei 860036020315415 và 01 (một) điện thoại di động hiện MobilStar màu trắng, imei 352209021283867.

- Trả lại cho ông Nguyễn Khánh A chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha, màu trắng - vàng, biển số 54V8-1236, số máy 5P11-191140, số khung P110AY-191139.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 05 ngày 12/10/2017).

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Luật án phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong